

Số: 207/2023 /CV-IRS-KSNB

Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2023

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ**  
**Tháng 07 năm 2023**

**Kính gửi**      **Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam**

Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ như sau:

**1. Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội:**

| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ |
|-----|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 1   | BCC                                              |                                                              |                                                               | BCC                                               |
| 2   | BVS                                              |                                                              |                                                               | BVS                                               |
| 3   | CEO                                              |                                                              |                                                               | CEO                                               |
| 4   |                                                  |                                                              | HUT                                                           | HUT                                               |
| 5   | IDC                                              |                                                              |                                                               | IDC                                               |
| 6   | LAS                                              |                                                              |                                                               | LAS                                               |
| 7   | MBS                                              |                                                              |                                                               | MBS                                               |
| 8   | NTP                                              |                                                              |                                                               | NTP                                               |
| 9   | NVB                                              |                                                              |                                                               | NVB                                               |
| 10  | PLC                                              |                                                              |                                                               | PLC                                               |
| 11  | PVC                                              |                                                              |                                                               | PVC                                               |
| 12  | PVI                                              |                                                              |                                                               | PVI                                               |
| 13  | PVS                                              |                                                              |                                                               | PVS                                               |
| 14  | SHS                                              |                                                              |                                                               | SHS                                               |
| 15  | TAR                                              |                                                              |                                                               | TAR                                               |
| 16  | TIG                                              |                                                              |                                                               | TIG                                               |
| 17  | TNG                                              |                                                              |                                                               | TNG                                               |
| 18  | VC3                                              |                                                              |                                                               | VC3                                               |
| 19  | VCS                                              |                                                              |                                                               | VCS                                               |

**2. Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh:**

| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ |
|-----|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 1   | AAA                                              |                                                              |                                                               | AAA                                               |
| 2   | ACB                                              |                                                              |                                                               | ACB                                               |
| 3   | AGG                                              |                                                              |                                                               | AGG                                               |
| 4   | AGR                                              |                                                              |                                                               | AGR                                               |
| 5   | ANV                                              |                                                              |                                                               | ANV                                               |

| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ |
|-----|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 6   | ASM                                              |                                                              |                                                               | ASM                                               |
| 7   | BCG                                              |                                                              |                                                               | BCG                                               |
| 8   | BFC                                              |                                                              |                                                               | BFC                                               |
| 9   | BID                                              |                                                              |                                                               | BID                                               |
| 10  | BMI                                              |                                                              |                                                               | BMI                                               |
| 11  | BMP                                              |                                                              |                                                               | BMP                                               |
| 12  | BSI                                              |                                                              |                                                               | BSI                                               |
| 13  | BVH                                              |                                                              |                                                               | BVH                                               |
| 14  | BWE                                              |                                                              |                                                               | BWE                                               |
| 15  | C32                                              |                                                              |                                                               | C32                                               |
| 16  | CII                                              |                                                              |                                                               | CII                                               |
| 17  | CKG                                              |                                                              |                                                               | CKG                                               |
| 18  | CMG                                              |                                                              |                                                               | CMG                                               |
| 19  | CNG                                              |                                                              |                                                               | CNG                                               |
| 20  | CRE                                              |                                                              |                                                               | CRE                                               |
| 21  | CSM                                              |                                                              |                                                               | CSM                                               |
| 22  | CSV                                              |                                                              |                                                               | CSV                                               |
| 23  | CTD                                              |                                                              |                                                               | CTD                                               |
| 24  | CTG                                              |                                                              |                                                               | CTG                                               |
| 25  | CTR                                              |                                                              |                                                               | CTR                                               |
| 26  | CTS                                              |                                                              |                                                               | CTS                                               |
| 27  | D2D                                              |                                                              |                                                               | D2D                                               |
| 28  | DAG                                              |                                                              |                                                               | DAG                                               |
| 29  | DBC                                              |                                                              |                                                               | DBC                                               |
| 30  | DBD                                              |                                                              |                                                               | DBD                                               |
| 31  | DCM                                              |                                                              |                                                               | DCM                                               |
| 32  | DGC                                              |                                                              |                                                               | DGC                                               |
| 33  | DGW                                              |                                                              |                                                               | DGW                                               |
| 34  | DHA                                              |                                                              |                                                               | DHA                                               |
| 35  | DHC                                              |                                                              |                                                               | DHC                                               |
| 36  | DHG                                              |                                                              |                                                               | DHG                                               |
| 37  | DIG                                              |                                                              |                                                               | DIG                                               |
| 38  | DMC                                              |                                                              |                                                               | DMC                                               |
| 39  | DPG                                              |                                                              |                                                               | DPG                                               |
| 40  | DPM                                              |                                                              |                                                               | DPM                                               |
| 41  | DPR                                              |                                                              |                                                               | DPR                                               |
| 42  | DRC                                              |                                                              |                                                               | DRC                                               |
| 43  | DRH                                              |                                                              |                                                               | DRH                                               |
| 44  | DVP                                              |                                                              |                                                               | DVP                                               |
| 45  | DXG                                              |                                                              |                                                               | DXG                                               |
| 46  | DXS                                              |                                                              |                                                               | DXS                                               |
| 47  | EIB                                              |                                                              |                                                               | EIB                                               |
| 48  | FCN                                              |                                                              |                                                               | FCN                                               |
| 49  | FIT                                              |                                                              |                                                               | FIT                                               |
| 50  | FMC                                              |                                                              |                                                               | FMC                                               |
| 51  | FPT                                              |                                                              |                                                               | FPT                                               |
| 52  | FRT                                              |                                                              |                                                               | FRT                                               |
| 53  | FTS                                              |                                                              |                                                               | FTS                                               |
| 54  | GAS                                              |                                                              |                                                               | GAS                                               |
| 55  | GEG                                              |                                                              |                                                               | GEG                                               |

| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ |
|-----|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 56  | GEX                                              |                                                              |                                                               | GEX                                               |
| 57  | GIL                                              |                                                              |                                                               | GIL                                               |
| 58  | GMD                                              |                                                              |                                                               | GMD                                               |
| 59  | GVR                                              |                                                              |                                                               | GVR                                               |
| 60  | HAH                                              |                                                              |                                                               | HAH                                               |
| 61  | HAX                                              |                                                              |                                                               | HAX                                               |
| 62  | HCM                                              |                                                              |                                                               | HCM                                               |
| 63  | HDB                                              |                                                              |                                                               | HDB                                               |
| 64  | HDC                                              |                                                              |                                                               | HDC                                               |
| 65  | HDG                                              |                                                              |                                                               | HDG                                               |
| 66  | HHS                                              |                                                              |                                                               | HHS                                               |
| 67  | HHV                                              |                                                              |                                                               | HHV                                               |
| 68  | HMC                                              |                                                              |                                                               | HMC                                               |
| 69  | HPG                                              |                                                              |                                                               | HPG                                               |
| 70  | HT1                                              |                                                              |                                                               | HT1                                               |
| 71  | HTN                                              |                                                              |                                                               | HTN                                               |
| 72  | IDI                                              |                                                              |                                                               | IDI                                               |
| 73  | IJC                                              |                                                              |                                                               | IJC                                               |
| 74  | IMP                                              |                                                              |                                                               | IMP                                               |
| 75  | KBC                                              |                                                              |                                                               | KBC                                               |
| 76  | KDC                                              |                                                              |                                                               | KDC                                               |
| 77  | KDH                                              |                                                              |                                                               | KDH                                               |
| 78  |                                                  |                                                              | KHG                                                           | KHG                                               |
| 79  | KSB                                              |                                                              |                                                               | KSB                                               |
| 80  | LCG                                              |                                                              |                                                               | LCG                                               |
| 81  |                                                  |                                                              | LHG                                                           | LHG                                               |
| 82  | LIX                                              |                                                              |                                                               | LIX                                               |
| 83  | LPB                                              |                                                              |                                                               | LPB                                               |
| 84  | LSS                                              |                                                              |                                                               | LSS                                               |
| 85  | MBB                                              |                                                              |                                                               | MBB                                               |
| 86  | MIG                                              |                                                              |                                                               | MIG                                               |
| 87  | MSB                                              |                                                              |                                                               | MSB                                               |
| 88  | MSH                                              |                                                              |                                                               | MSH                                               |
| 89  | MSN                                              |                                                              |                                                               | MSN                                               |
| 90  | MWG                                              |                                                              |                                                               | MWG                                               |
| 91  | NLG                                              |                                                              |                                                               | NLG                                               |
| 92  | NT2                                              |                                                              |                                                               | NT2                                               |
| 93  | NTL                                              |                                                              |                                                               | NTL                                               |
| 94  | OCB                                              |                                                              |                                                               | OCB                                               |
| 95  | PAC                                              |                                                              |                                                               | PAC                                               |
| 96  | PAN                                              |                                                              |                                                               | PAN                                               |
| 97  | PC1                                              |                                                              |                                                               | PC1                                               |
| 98  | PDR                                              |                                                              |                                                               | PDR                                               |
| 99  | PET                                              |                                                              |                                                               | PET                                               |
| 100 | PHR                                              |                                                              |                                                               | PHR                                               |
| 101 | PLX                                              |                                                              |                                                               | PLX                                               |
| 102 | PNJ                                              |                                                              |                                                               | PNJ                                               |
| 103 | POW                                              |                                                              |                                                               | POW                                               |
| 104 | PTB                                              |                                                              |                                                               | PTB                                               |
| 105 | PVT                                              |                                                              |                                                               | PVT                                               |

- C  
 NG TY  
 PHẦN  
 DÁN QU  
 NG GI  
 NG - T

| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ |
|-----|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 106 | RAL                                              |                                                              |                                                               | RAL                                               |
| 107 | REE                                              |                                                              |                                                               | REE                                               |
| 108 | SAB                                              |                                                              |                                                               | SAB                                               |
| 109 | SAM                                              |                                                              |                                                               | SAM                                               |
| 110 | SBA                                              |                                                              |                                                               | SBA                                               |
| 111 | SBT                                              |                                                              |                                                               | SBT                                               |
| 112 | SCR                                              |                                                              |                                                               | SCR                                               |
| 113 | SHB                                              |                                                              |                                                               | SHB                                               |
| 114 | SHI                                              |                                                              |                                                               | SHI                                               |
| 115 | SJD                                              |                                                              |                                                               | SJD                                               |
| 116 | SJS                                              |                                                              |                                                               | SJS                                               |
| 117 | SKG                                              |                                                              |                                                               | SKG                                               |
| 118 | SRC                                              |                                                              |                                                               | SRC                                               |
| 119 | SSB                                              |                                                              |                                                               | SSB                                               |
| 120 | SSI                                              |                                                              |                                                               | SSI                                               |
| 121 | STB                                              |                                                              |                                                               | STB                                               |
| 122 | STK                                              |                                                              |                                                               | STK                                               |
| 123 | SZC                                              |                                                              |                                                               | SZC                                               |
| 124 | SZL                                              |                                                              |                                                               | SZL                                               |
| 125 | TCB                                              |                                                              |                                                               | TCB                                               |
| 126 | TCH                                              |                                                              |                                                               | TCH                                               |
| 127 | TCL                                              |                                                              |                                                               | TCL                                               |
| 128 | TCM                                              |                                                              |                                                               | TCM                                               |
| 129 | TDC                                              |                                                              |                                                               | TDC                                               |
| 130 | TDM                                              |                                                              |                                                               | TDM                                               |
| 131 | TLG                                              |                                                              |                                                               | TLG                                               |
| 132 | TLH                                              |                                                              |                                                               | TLH                                               |
| 133 | TNH                                              |                                                              |                                                               | TNH                                               |
| 134 | TPB                                              |                                                              |                                                               | TPB                                               |
| 135 | TV2                                              |                                                              |                                                               | TV2                                               |
| 136 | VCB                                              |                                                              |                                                               | VCB                                               |
| 137 | VCG                                              |                                                              |                                                               | VCG                                               |
| 138 | VCI                                              |                                                              |                                                               | VCI                                               |
| 139 | VGC                                              |                                                              |                                                               | VGC                                               |
| 140 | VHC                                              |                                                              |                                                               | VHC                                               |
| 141 | VHM                                              |                                                              |                                                               | VHM                                               |
| 142 | VIB                                              |                                                              |                                                               | VIB                                               |
| 143 | VIC                                              |                                                              |                                                               | VIC                                               |
| 144 | VIX                                              |                                                              |                                                               | VIX                                               |
| 145 | VND                                              |                                                              |                                                               | VND                                               |
| 146 | VNE                                              |                                                              |                                                               | VNE                                               |
| 147 | VNM                                              |                                                              |                                                               | VNM                                               |
| 148 | VPB                                              |                                                              |                                                               | VPB                                               |
| 149 | VRE                                              |                                                              |                                                               | VRE                                               |

| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ |
|-----|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 150 | VSC                                              |                                                              |                                                               | VSC                                               |
| 151 | VSH                                              |                                                              |                                                               | VSH                                               |

Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty: [www.irs.com.vn/Tin tức/Thông tin IRS công bố](http://www.irs.com.vn/Tin tức/Thông tin IRS công bố).

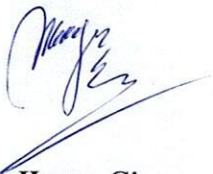
Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.  
Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Người lập



Ngô Kim Chi

Kiểm soát



Nguyễn Hương Giang



Trần Thị Thu Hương

